

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Chánh

- Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2823/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 142/8/4 khu phố 12 (khu phố 6 cũ), phường TM (phường TT cũ), thành phố BH, tỉnh ĐN.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 13, khu phố MH, phường MX, thành phố PM, tỉnh BR-VT. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 142/8/4 khu phố 12 (khu phố 6 cũ), phường TM (phường TT cũ), thành phố BH, tỉnh ĐN. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Văn H) và bà Lê Thị Mỹ T tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT (nay là phường TM) thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyền số 01/2010 ngày 22/9/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Tuy nhiên, sau đó trong quá trình chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích. Nguyên nhân của những mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, đã nhiều lần vợ chồng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay.

Xét thấy cuộc sống của vợ chồng không hòa thuận, tình cảm nay cũng không còn, vợ chồng cảm thấy không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết cho tôi (H) được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

- Về con chung: Tôi (Nguyễn Văn H) và bà Lê Thị Mỹ T có 02 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/3/2015. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao 02 con chung H1 và T1 cho tôi (H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung H1 và T1 số tiền 4.000.000đ/tháng/02 con (Bốn triệu đồng/tháng/02 con).

Nay tôi thay đổi về con chung như sau: Khi ly hôn, tôi (H) yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Gia H1 cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh T1 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Gia H1 đang học Lớp 8A3 Trường THPT VVK, thành phố PM, tỉnh BR – VT.

Hiện nay tôi làm Đội phó đội bảo vệ Phân xưởng kho của Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ BR–VT. Thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Khi giải quyết ly hôn tôi tự nguyện nộp theo quy định.

*** Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 12/3/2024 có tại hồ sơ, bị đơn trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lê Thị Mỹ T) thống nhất với đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Văn H về kết hôn, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng... Nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn với tôi thì tôi (T) đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Tôi (Lê Thị Mỹ T) và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/3/2015. Khi ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Minh T1 cho tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Gia H1 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Nguyễn Minh T1 đang học Lớp 3 Trường Tiểu học HH, thành phố BH, tỉnh DN.

Hiện nay tôi làm nghề tự do kinh doanh quần áo và môi giới đất đai, thu nhập khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:
 - + Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng.
 - + Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.
 - + Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.
 - + Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Mỹ T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Mỹ Tiên.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/3/2015 cho bà Lê Thị Mỹ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/5/2011 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 142/8/4 khu phố 12 (khu phố 6 cũ), phường TM (phường TT cũ), thành phố BH, tỉnh DN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp

luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định. Đồng thời, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà đề ngày 12/3/2024 (Bút lục số 43). Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Mỹ T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TT (nay là phường TM) thành phố BH, tỉnh Đồng Nai và được UBND phường TT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển số 01/2010 ngày 22/9/2010. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông H và bà T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên toà, nguyên đơn Nguyễn Văn H yêu cầu HĐXX giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Tuy nhiên, theo Bản tự khai ngày 12/3/2024 (Bút lục số 33) có tại hồ sơ bị đơn bà Lê Thị Mỹ T đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ý chí của đương sự là tự nguyện nên ghi nhận. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Mỹ T có 02 con chung tên Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/5/2011 và Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/3/2015. Tại các Bản tự khai của ông H và bà T có tại hồ sơ, ông H và bà T thống nhất thoả thuận giao con chung tên Nguyễn Gia H1 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh T1 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà T và ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ý chí của các đương sự là tự nguyện nên ghi nhận. Đồng thời tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai cháu H1 và cháu T1 (Bút lục số 36 -37) có tại hồ sơ nguyện vọng của cháu H1 sau khi ba mẹ ly hôn được sống chung với ba H, cháu T1 thì được sống chung với mẹ T, ý chí của các cháu là tự nguyện nên ghi nhận.

Hiện ông H đang làm Đội phó đội bảo vệ Phân xưởng kho của Công ty TNHH MTV Công nghiệp hóa chất mỏ BR – VT. Thu nhập khoảng từ 13.000.000 đồng/tháng. Bà T làm nghề tự do kinh doanh quần áo và môi giới đất đai, thu nhập khoảng từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng đảm bảo kinh tế nuôi con, có nhà ở đảm bảo chỗ ở cho con. Vì vậy, HĐXX xét xử xét thấy có cơ sở giao cháu H1 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H khai để vợ chồng thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ, bị đơn bà Lê Thị Mỹ T có 06 đơn phản tố (không ghi ngày tháng năm, dấu bưu điện đề ngày 13/8/2024), bà T chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản là nhà

nhưng chưa yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 1665, tờ bản đồ số 23, diện tích 80m² tọa lạc tại ấp MT, xã MX, thị xã PM, tỉnh BR VT; kèm theo đơn phản tố bà T chưa cung cấp tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 19/8/2024, Tòa án ban thành Thông báo sửa đổi, bổ sung đơn phản tố số: 48/TB-TA và tổng đạt Thông báo cho bị đơn theo quy định, bị đơn nhận được Thông báo trên nhưng không sửa đổi, bổ sung đơn phản tố. Ngày 14/10/2024, Tòa án ban hành Thông báo số 01/TB-TA trả lại đơn cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Lê Thị Mỹ T khai nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 19/5/2011 cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 20/3/2015 cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H và bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0009856 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND P. TM, TP. BH,
tỉnh Đôn (Giấy chứng nhận kết
hôn số 89, quyền số 01/2010
ngày 22/9/2010);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn